

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**
Bản án số: 07 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 /01/2024
"V/v Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Hội thẩm nhân dân:

[1] Ông Trần Quang Cường;

[2] Bà Nguyễn Thị Thu Hương;

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 238/ TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc " *Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng* ", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01 /2024/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Q H ; sinh năm 1964(vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 5, xã P, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: bà Nguyễn Th V; sinh năm 1968(vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 5, xã P, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Q H trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Th V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, nay tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu.

Bị đơn bà Nguyễn Th V, xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, Tôi và ông Nguyễn Q H là vợ chồng, tự nguyện sống chung từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là đúng, nay ông Học khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng bà đồng ý.

Về con chung: Đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Q H yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà Nguyễn Th V. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Q H và bà Nguyễn Th V tự nguyện chung sống từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung đến nay thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, không thể sống chung với nhau được nữa, các bên thừa nhận là đúng và đã sống ly thân, nay ông Nguyễn Q H khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà Nguyễn Th V, Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, căn cứ điểm b mục 03 NQ 35/ QH của Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Q H và bà Nguyễn Th V.

[3] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Q H nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, điểm b mục 3 Nghị Quyết số 35/ QH của Quốc Hội.

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Q H với bà Nguyễn Th V.

[2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: ông Nguyễn Q H nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001377 ngày 27/11/2023(đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

